

PHẦN VĂN BẢN KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 1333/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất
quận Thanh Khê giai đoạn 2010-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Căn cứ Quy hoạch Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020;

- Căn cứ Quy hoạch Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận Thanh Khê đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND quận Thanh Khê tại Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2010 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất quận Thanh Khê giai đoạn 2010-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của quận Thanh Khê giai đoạn 2010-2020 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm sử dụng đất

Đất đai là tài nguyên hạn chế, nhưng lại là điều kiện không thể thiếu được trong quá trình phát triển. Vì vậy, việc khai thác sử dụng đất có hiệu quả là quan điểm đặt lên hàng đầu. Từ nay đến 2020 cơ bản đưa quỹ đất chưa sử dụng vào sử dụng tối đa phục vụ cho các mục đích. Việc bảo vệ, sử dụng tiết kiệm đất, chuyển đổi hợp lý đất đai đem lại hiệu quả kinh tế cao là nhiệm vụ quan trọng, nhằm đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế xã hội quận Thanh Khê một cách ổn định và bền vững.

Dành một quỹ đất ưu tiên cho việc xây dựng các khu đô thị mới theo quy hoạch; khai thác hiệu quả quỹ đất và cơ sở hạ tầng hiện có, gắn liền phát triển với quá trình đô thị hoá nhiều mặt. Khai thác sử dụng đất phải hết sức tiết kiệm, có hiệu quả và không ngừng làm giàu cho đất. Phát huy tối đa hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của việc sử dụng đất.

Sử dụng đất phải đáp ứng nhu cầu đất ở cho nhân dân, việc sử dụng đất ở cần được bố trí tập trung, từng bước thực hiện bố trí sắp xếp lại các khu dân cư đã hình thành kết hợp với việc xây dựng các khu dân cư mới phát triển theo hướng vừa chú trọng đến môi trường sinh thái, mỹ quan đô thị, vừa đáp ứng nhu cầu về cơ sở hạ tầng cũng như các mặt xã hội khác.

2. Phương hướng sử dụng đất dài hạn theo mục đích sử dụng

- Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa các yếu tố phát triển kinh tế đi cùng với tiên bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường tự nhiên làm cho chất lượng cuộc sống được cải thiện không ngừng, gắn việc phát triển kinh tế và việc phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phát triển theo hướng đô thị hiện đại, song vẫn hài hòa với cảnh quan tự nhiên, môi trường.

- Kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa phát triển sản xuất kinh doanh với việc đảm bảo an toàn cho môi trường du lịch, dịch vụ phát triển. Thực hiện phương châm "Cùng song song tồn tại và phát triển các ngành kinh tế nhằm mục đích xây dựng quận Thanh Khê thành điểm sáng xanh, sạch, đẹp về mọi mặt"

- Bố trí hợp lý quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhằm khai thác hiệu quả sử dụng đất phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch, kế hoạch. Ưu tiên phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch, nhất là những ngành công nghiệp có khả năng khai thác tiềm năng sẵn có, hình thành các khu công nghiệp tập trung nhằm sử dụng có hiệu quả quỹ đất và cơ sở hạ tầng, gắn việc phát triển công nghiệp với quá trình đô thị hoá.

Đất ở phải được bố trí tập trung, cân đối trên cơ sở mở rộng khu dân cư cũ hoặc phát triển khu dân cư mới, nhưng phải mỹ quan và thuận tiện cho sản xuất. Xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phải đồng bộ, có quy hoạch trong quá trình hình

thành các khu công nghiệp và mở rộng đô thị nhằm tiết kiệm đất, kết hợp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế và phục vụ đời sống văn hoá xã hội của nhân dân.

3. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng năm 2010		Quy hoạch năm 2020	
			Diện tích	cơ cấu (%)	Diện tích	cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TN		944,32	100,00	994,32	100%
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	30,05	3,18	1,05	0,11
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	30,05	3,18	1,05	0,11
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	14,62	1,55	0,52	0,05
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15,43	1,63	0,53	0,05
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP				
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS				
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	894,32	94,71	991,42	99,71
2.1	Đất ở tại đô thị	ODT	419,57	44,43	462,87	46,55
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	431,76	43,82	487,26	49,01
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, CT sự nghiệp	CTS	12,68	1,34	14,38	1,45
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	113,67	12,04	78,77	7,92
2.2.3	Đất An ninh	CAN	1,02	0,11	1,02	0,10
2.2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK	43,65	4,62	71,25	7,17

2.2.5	Đất có mục đích công cộng	CCC	260,53	27,59	321,63	32,35
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	6,38	0,68	6,68	0,67
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	4,29	0,45	2,29	0,23
2.5	Đất sông suối , mặt nước CD	SMN	32,32	3,42	32,32	3,25
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	19,95	2,11	1,85	0,19
	ĐẤT CÓ MN QUAN SÁT	MBV	78,52		28,52	

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất

STT	CHỈ TIÊU	Mã	DT chuyển MĐSD trong kỳ quy hoạch (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	29,00
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN/PNN	29,00
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN/PNN	14,10
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	14,90
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKT^(a)/OTC	31,40
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	29,9
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	1,50
4.1.2	Đất quốc phòng	CQP/OTC	10,9
4.1.3	Đất an ninh	CAN/OTC	0,00
4.1.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	8,40

4.1.5	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	9,10
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	0,00
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	1,50
4.4	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN/OTC	0,00

c) Diện tích đất phải thu hồi:

STT	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích cần thu hồi trong kỳ kế hoạch (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	29,00
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	29,00
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	14,10
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	0,00
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14,90
2	Đất phi nông nghiệp	NKN	257,70
2.1	Đất ở	OTC	113,80
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	136,00
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	1,50
2.2.2	Đất quốc phòng	CQA	35,30
2.2.3	Đất an ninh	CAN	0,00
2.2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	12,40
2.2.5	Đất có mục đích công cộng	CCC	86,80
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,00
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	2,00

2.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	5,90
-----	---------------------------------------	-----	------

d) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích

TT	Mục đích sử dụng	Giai đoạn 2010-2020 (ha)
1	Đất nông nghiệp	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	18,10
2.1	Đất ở	5,90
2.2	Đất chuyên dùng	12,20
	Cộng	18,10

Diện tích, cơ cấu sử dụng đất của quận Thanh Khê đến năm 2015

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng năm 2010		Quy hoạch năm 2015	
			Diện tích	Cơ cấu (%)	Diện tích	cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TN		944,32	100,00	944,32	100%
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	30,05	3,18	2,95	0,31
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	30,05	3,18	2,95	0,31
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	14,62	1,55	1,42	0,15
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15,43	1,63	1,53	0,16
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	894,32	94,71	937,72	99,30
2.1	Đất ở tại đô thị	ODT	419,57	44,43	460,67	48,78
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	431,76	43,82	435,76	46,15
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, CT sự	CTS	12,68	1,34	14,48	1,53

	nghiep					
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	113,67	12,04	93,67	9,92
2.2.3	Đất An ninh	CAN	1,02	0,11	1,02	0,11
2.2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK	43,65	4,62	32,65	3,46
2.2.5	Đất có mục đích công cộng	CCC	260,53	27,59	293,73	31,11
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	6,38	0,68	6,68	0,71
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	4,29	0,45	2,29	0,24
2.5	Đất sông suối , mặt nước CD	SMN	32,32	3,42	32,32	3,42
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	19,95		3,65	0,39
	ĐẤT CÓ MN QUANSÁT	MBV	78,52		78,52	

Vị trí, diện tích, các chỉ tiêu cụ thể, ... của phương án Quy hoạch sử dụng đất được xác định theo Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất của quận Thanh Khê giai đoạn 2010-2020 và Bản đồ quy hoạch sử dụng đất do UBND quận Thanh Khê kèm theo Báo cáo thuyết minh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND quận Thanh Khê

- Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng các chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện theo nội dung đề án.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị và các địa phương đảm bảo việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Giao sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn UBND quận Thanh Khê trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với quy hoạch sử dụng đất của từng ngành và quy hoạch chung của thành phố.

3. Các sở, ban, ngành và UBND các quận theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp và triển khai thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch UBND quận Thanh Khê, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các phường thuộc quận Thanh Khê và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh